

Kính Gửi: Sở xây dựng Lai Châu

Căn cứ Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng;

Căn cứ quy định về việc tự công bố công khai thông tin năng lực hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng tại Điều 5c Nghị định số 62/2016/NĐ-CP (được bổ sung bởi Điều 10 Nghị định số 14/2026/NĐ-CP);

Công ty cổ phần tư vấn kiểm định chất lượng xây dựng xin thông báo và gửi nội dung công bố thông tin năng lực hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng như sau:

I. Thông tin về Tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

1. Tên tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng:

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG

2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (*Giấy phép đầu tư*) số: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5500263599 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp, đăng ký lần đầu ngày 18/04/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 04/12/2025 do Sở tài chính tỉnh Sơn La cấp.

3. Địa chỉ: Số nhà 159, đường Trần Đăng Ninh, tổ 9 Quyết Tâm, phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La

4. Điện thoại: 0983 890 433

5. Email: Kiemdinhxd@gmail.com ; Website: <https://kiemdinhxd.com>

6. Địa chỉ trụ sở chính: Số nhà 159, đường Trần Đăng Ninh, tổ 9 Quyết Tâm, phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La

7. Tên phòng thí nghiệm: **PHÒNG THÍ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG TẠI LAI CHÂU**

- Trưởng phòng thí nghiệm hiện trường: **Kiều Duy Văn**

8. Địa chỉ phòng thí nghiệm: xã Than Uyên, tỉnh Lai Châu

9. Địa chỉ đặt trạm thí nghiệm hiện trường:

- Trạm thí nghiệm hiện trường số 05 - thuộc Trung tâm thí nghiệm vật liệu xây dựng; tại xã Than Uyên, tỉnh Lai Châu.

II. Thông tin về năng lực của tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

Chúng tôi công bố danh mục năng lực thí nghiệm chi tiết như sau:

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
I	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ XI MĂNG			
1	Độ mịn, khối lượng riêng của xi măng	TCVN 13605:2023; ASTM C188 - 23, ASTM C204 - 24; ASTM C430-2017 ; AASHTO T133 - 22, AASHTO T153 - 22, ASHTO T192 - 23	Sàng (kích thước mắt 0,09;0.08;0.045mm, cân kỹ thuật (0,01g), tủ sấy, Cân kỹ thuật có độ chính xác (0,01g), tủ sấy, Bình khối lượng riêng, chậu nước, dầu hỏa, Thiết bị thấm khí Blaine	Kiều Duy Văn Hồ Chả Đường Tòng Văn Thành Nguyễn Văn Quyền
2	Xác định giới hạn bền uốn và nén	TCVN 6016:2011; ASTM C109/109M - 23	Khuôn uốn xi măng 40x40x160 kép 3 -TQ; Máy trộn vữa xi măng Dung tích: 5 lít; Máy nén WE-600B, tủ dưỡng nhiệt ẩm, ...	
3	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017:2015, TCVN 8875:2012; ASTM C187 - 23, ASTM C191-21; AASHTO T131 - 23	Dụng cụ Vica, chảo trộn, bay trộn hồ, cân kỹ thuật, ống đồng, dao thép, đồng hồ bấm giây, máy trộn,	
4	Xác định độ giãn nở Autoclave và Lechatelier	TCVN8877:2021; TCVN 6017:2015 ASTM C151/C151M-2023	Khuôn xi măng Le Chaterlier - TQ và bình dưỡng mẫu	
5	Độ tách nước và độ tách vữa của hỗn hợp bê tông	TCVN 3109:2022	Ống đồng nước dung tích từ 50 - 200 ml; Pipet dung tích 5 ml	
6	Hàm lượng cặn không tan	TCVN 141:2008	Tủ sấy; lò nung; bình hút ẩm; bát sứ; chén sứ; chén bạch kim; phễu lọc; giấy lọc không tro	
7	Xác định độ nở Sunfat	TCVN 6068:2020; ASTM C452-21	Khuôn nở sunphat 4x4x16 bằng sắt, Hóa chất, thanh chuẩn đo giãn nở, bể ngâm mẫu	



TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
II	THỬ NGHIỆM CỐT LIỆU BÊ TÔNG VÀ VỮA, CÁT SAN LẤP, CẤP PHỐI ĐÁ DẼM, CẤP PHỐI SỎI ĐỎ, ĐÁ MI, ĐÁ GỐC			
8	Lấy mẫu	TCVN 7572-1:2006	Cân kỹ thuật 1g, dụng cụ lấy mẫu, thiết bị chia mẫu, ...	Kiều Duy Văn Hồ Chấn Đường Tông Văn Thành Nguyễn Văn Quyền
9	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 7572-2:2006 ; ASTM136/C136M - 19; AASHTO T27 - 23; BS EN 933-1 : 2012	Cân kỹ thuật có độ chính xác $d = 0.1g$, cân kỹ thuật 30kg/5g, bộ sàng tiêu chuẩn bộ sàng, tủ sấy đến $300^{\circ}C/1^{\circ}C$, Máy lắc sàng .	
10	Xác định thành phần thạch học	TCVN 7572-3:2006	Cân kỹ thuật, bộ sàng (5; 2,5;1,25;0,63;0,315; 0,14mm),tủ sấy...	
11	Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:2006 ; ASTM C128 - 22; ASHTO T84 - 22 , AASHTO T85 - 22; BS EN 1097 -6 : 2022	Bình khối lượng riêng, Cân kỹ thuật có độ chính xác $d = 0.1g$, bình hút ẩm, tủ sấy đến $300^{\circ}C/1^{\circ}C$, bếp cách cát hoặc cách thủy, chày cối mã não, thùng ngâm mẫu, giấy thấm nước, sàng kích thước 5mm và 0.14mm	
12	Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006 TCVN 10322:2014 AASHTO T85 - 22	Cân kỹ thuật có độ chính xác $d = 0.1g$, giỏ cân trong nước, thùng chứa nước để cân trong nước, thùng ngâm mẫu, khăn thấm nước, Thước cặp, tủ sấy đến $300^{\circ}C/1^{\circ}C$.	
13	Xác định khối lượng thể tích và độ xốp và độ hồng	TCVN 7572-6:2006 ; ASTM C29/C29M- 23 ; AASHTO T19/T19M -22; BS EN 1097 -3:1998	Thùng đóng, cân kỹ thuật 30kg/5g , phễu chứa mẫu, bộ sàng tiêu chuẩn, tủ sấy đến $300^{\circ}C/1^{\circ}C$, thước lá kim loại.	
14	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:2006 ; ASTM C566 - 19 ;	Cân kỹ thuật có độ chính xác $d = 0.1g$, tủ sấy đến $300^{\circ}C/1^{\circ}C$, hộp đựng mẫu.	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
		ASHTO T255 - 22		
15	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét, hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:2006; ASTM C117-23, ASTM C142/C142M-23; AASHTO T112-23; BS EN 933-1:2012	Cân kỹ thuật có độ chính xác $d = 0.1g$, tủ sấy đến $300^{\circ}C/1^{\circ}C$, thùng rửa mẫu, đồng hồ bấm giây.	
16	Xác định tạp chất hữu cơ phương pháp so màu	TCVN 7572-9:2006; ASTM C40/C40M-20; AASHTO T21M/T21-20	Bản màu chuẩn so sánh, ống dung tích loại 500ml, 1000ml, Cân kỹ thuật 3000g/0.01g, sàng 5mm; 20mm, thuốc thử dung dịch NaOH 3%.	
17	Xác định cường độ và hệ số hoá mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:2006; ASTM D7012 - 23	Máy thử nén model: TYA-2000kN/0.1kN, Thước cặp, thùng ngâm mẫu,	
18	Xác định độ nén đập trong xilanh và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:2006	Máy thử nén model: TYA-2000kN/0.1kN, xi lanh bằng thép $\phi k 75mm$, 150mm, cân kỹ thuật có độ chính xác (0.1g), sàng tiêu chuẩn 5mm; 2.5mm; 1,25mm, tủ sấy đến $300^{\circ}C/1^{\circ}C$, thùng ngâm mẫu.	
19	Xác định độ hao mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong máy Los Angeles	TCVN 7572-12:2006; ASTM C535-16; AASHTO T96-22	Cân kỹ thuật 30kg/1g, sàng 37.5; 25; 19; 12.5; 9.5; 6.3; 4.75; 2.36; 1.7mm, tủ sấy đến $300^{\circ}C/1^{\circ}C$, máy quay mài mòn Los Angeles.	
20	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006; ASTM D4791-23; BS EN 933-3-12, BS EN 933-4-08, BS EN 933-5-22;	Cân kỹ thuật 30kg/1g, bộ sàng tiêu chuẩn, thước kẹp cái tiến, tủ sấy đến $300^{\circ}C/1^{\circ}C$	
21	Xác định độ góc cạnh của đá	TCVN 11807:2017	Thùng đồng ($D154 \pm 2mm$, cao $160 \pm 2mm$), cân kỹ thuật 30kg (1g), tủ sấy $300^{\circ}C$ ($\pm 1^{\circ}C$) có điều chỉnh nhiệt độ, thước lá kim loại, thước gạt mẫu dài 300mm, sàng kích thước 5mm	Kiều Duy Văn Hù Chả Đường Tòng Văn Thành Nguyễn Văn Quyền

11/01/2023 09:00:19

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
22	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hoá	TCVN 7572-17:2006	Cân kỹ phân tích có độ chính xác $d=0.0001g$, tủ sấy đến $300^{\circ}C/1^{\circ}C$, bộ sàng 5; 2.5; 1.25; 0.63; 0.315, 0.14mm, giấy nhám, đĩa thủy tinh.	
23	Xác định hàm lượng hạt bị đập vỡ	TCVN 7572-18:2006	Cân kỹ thuật có độ chính xác $d = (1\%)$;	
24	Xác định hàm lượng mica trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-20:2006	Cân kỹ phân tích có độ chính xác $d=0.0001g$, tủ sấy đến $300^{\circ}C/1^{\circ}C$, bộ sàng 5; 2.5; 1.25; 0.63; 0.315, 0.14mm, giấy nhám, đĩa thủy tinh.	
25	Xác định hệ số đương lượng cát ES	ASTM D2419-22; AASHTO T176 -22	Cân kỹ thuật có độ chính xác 0,01g, que thủy tinh, Tủ sấy đến $300^{\circ}C/1^{\circ}C$ Ống đong 1000ml, bộ sàng tiêu chuẩn, thuốc thử,...	
26	Xác định hàm lượng hạt nhỏ hơn 0.075mm	TCVN 14135-4:2024, TCVN 9205:2012; ASTM C117-23; AASHTO T11-23	Cân kỹ thuật có độ chính xác $d=0.1g$, bộ sàng tiêu chuẩn, Tủ sấy đến $300^{\circ}C/1^{\circ}C$, sàng tiêu chuẩn 0.075mm, hóa chất	
27	Xác định độ ẩm bề mặt cốt liệu	ASTM C70 -20	Cân kỹ thuật có độ chính xác $d=0.1g$, tủ sấy đến $300^{\circ}C/1^{\circ}C$	
28	Xác định thành phần hạt của cấp phối đá dăm	TCVN 8859:2023	Cân kỹ thuật 30kg (5g), bộ sàng tiêu chuẩn; tủ sấy $300^{\circ}C (\pm 1 \text{ oC})$, búa cao su, cọ quét, giá xúc mẫu, dụng cụ chia mẫu.	
III	THỬ NGHIỆM HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG			
29	Xác định thành phần cấp phối của bê tông sử dụng cát nghiền	TCVN 9382:2012	Máy trộn bê tông, khuôn đúc mẫu bê tông, cân kỹ thuật, bộ côn thử độ sụt + tấm đế, thước lá kim loại dài 30cm, búa cao su, dao gạt mẫu dài 200mm	Kiều Duy Văn Hồ Chấn Đường Tòng Văn Thành Nguyễn Văn Quyền
30	Lựa chọn vật liệu, xác định thành phần bê tông đối với bê tông cường độ cao	TCVN 10306:2014	Máy trộn bê tông, khuôn đúc mẫu bê tông, cân kỹ thuật, bộ côn thử độ sụt + tấm đế, thước lá kim loại dài 30cm, búa cao	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
			su, dao gạt mẫu dài 200mm	
31	Phương pháp lấy mẫu, chế tạo và bảo dưỡng mẫu thử	TCVN 3105:2022; ASTM C31/C31M-24; BS EN 12350-1:2019	Khuôn đúc mẫu 150x150x150mm, 150x300mm, bộ côn thử độ sụt + tấm đế, thước lá kim loại dài 30cm, búa cao su, dao gạt mẫu dài 200mm, đồng hồ bấm giây	
32	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:2022; ASTM C143/C143M-20; AASHTO T119-23; BS EN 12350-2:2019	Côn thử độ sụt + tấm đế, que chọc bằng thép ĐK D=16mm đầu múp tròn, phễu đổ hỗn hợp, thước lá kim loại dài 300mm, đồng hồ bấm giây.	
33	Xác định độ cứng ve be	TCVN 3107 : 2022	Nhót ké, bàn rung, đồng hồ bấm dây....	
34	Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:2022 ; ASTM C138/138M - 23; AASHTO T121 - 23 ; BS EN 12350-6 : 2019	Thùng kim loại 5l, 10l (cao 186 và 267mm), que chọc bằng thép ĐK D=16mm đầu múp tròn, cân đĩa 30kg (d=1g) , dao thép gạt mẫu, búa cao su	
35	Xác định độ tách nước, tách vữa của hỗn hợp bê tông	TCVN 3109:2022; ASTM C232/232M-21; AASHTO T158-23; BS EN 12350-4:2019	Khuôn thép 200x200x200mm, bàn rung, que chọc bằng thép ĐK D=16mm đầu múp tròn, cân kỹ thuật 30kg (1g), sàng 5mm, thước lá kim loại, gao gạt mẫu, ống đong 500ml, pipet 5ml, tủ sấy 300 ⁰ c (±1 °C)	
36	Xác định phân tích thành phần hỗn hợp bê tông nặng	TCVN 3110:2022	Cân kỹ thuật 30kg (1g); sàng tiêu chuẩn 5mm, 1.25mm, 0.15mm, tủ sấy 300 ⁰ c /±1 ⁰ C), bay, xẻng xúc mẫu	
37	Xác định khối lượng riêng của bê tông	TCVN 3112:2022; ASTM C642-21;	Bình khối lượng riêng cổ cao hoặc bình tam giác, cân kỹ thuật có độ chính xác (0,1g), búa con, cối	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
		BS EN 12390-7:2019	chày đồng, bình hút ẩm, tủ sấy 300 ⁰ c (±1 °C), sàng 5mm ;1.25,0.125mm , nước cất, bình hút ẩm.	
38	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:2022; ASTM C642-21; BS EN 12390-7:2019	Cân kỹ thuật có độ chính xác (0.1g), tủ sấy 300 ⁰ c (±1 °C), khăn lau, bàn chải, đá mài.	
39	Xác định độ mài mòn của bê tông	TCVN 3114:2022	Máy mài mòn, cân kỹ thuật có độ chính xác (0,1g), thước kẹp điện tử dài 200mm (0.01mm)	
40	Xác định độ chống thấm nước của bê tông	TCVN 3116:2022	Máy thử độ chống thấm HS - 40 đồng hồ áp (0-4MPa), bàn chải sắt, paraffin, bếp ga, giá ép mẫu, bếp ga.	
41	Xác định chiều sâu thấm dưới áp lực nước	BS EN 12390-8 : 2019 TCVN 8219:2009; ASTM C1585-20	Máy thử độ chống thấm HS - 40 đồng hồ áp (0-4MPa), bàn chải sắt, paraffin, bếp ga, giá ép mẫu, bếp ga.	
42	Xác định cường độ nén của bê tông	TCVN 3118:2022; ASTM C39/C39M-24; AASHTO T22M/T22-22; BS EN 12390-3:2019:	Máy nén TYA -2000kN (d=0,1kN), thước lá kim loại, đệm truyền tải	
43	Xác định giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119:2022; ASTM C293/C293M-16 BS EN 12390-5 : 2019	Máy nén TYA -2000kN (d=0,1kN), thước lá kim loại, đệm truyền tải, gối uốn 4 điểm tựa	
44	Xác định giới hạn bền kéo dọc trục khi bẻ	TCVN 3120:2022; ASTM C496/C496M-17; AASHTO T198-22	Máy nén TYA -2000kN (d=0,1kN), bộ giá ép chế	
45	Xác định thời gian đông kết của hỗn hợp bê tông	TCVN 9338:2012; ASTM C403/C403M-23;	Khuôn bê tông 3 khuôn 150x150x150mm, dụng cụ thử độ ninh kết bê tông và kim xuyên , đồng	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
		AASHTO T197M/T197-23	hồ bấm giấy, ống pipet 5ml	
46	Xác định nhiệt độ của hỗn hợp bê tông	ASTM C1064/C1064M-23; AASHTO T309-22	Nhiệt kế -10 ÷ 110°C/0.5°C.	
IV	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH ĐÁT SÉT NUNG			
47	Xác định kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan của gạch xây	TCVN 6355-1:2009	Thước thép, thước kẹp.	Kiều Duy Văn Hù Chả Đường Tòng Văn Thành Nguyễn Văn Quyền
48	Xác định cường độ nén	TCVN 6355-2:2009	Máy nén TYA-2000 và WE-600B, thước kim loại, các miếng kính, bay, chảo, máy cắt.	
49	Xác định cường độ uốn	TCVN 6355-3:2009	Máy thử nén + bộ gối uốn, thước kim loại, các miếng kính, bay, chảo.	
50	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:2009	Tủ sấy 300°C/1 °C, cân kỹ thuật, thùng ngâm mẫu.	
51	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 6355-5:2009	Tủ sấy 300°C/1 °C, cân kỹ thuật, thước lá kim loại.	
52	Xác định độ rỗng	TCVN 6355-6:2009	Búa con, sàng 0,2mm, tủ sấy 300°C/1 °C, bình hút ẩm, cân, bình cổ cao, dầu hỏa...	
53	Xác định vết tróc do vôi	TCVN 6355-7:2009	Thùng giữ ẩm, Thước đo có độ chính xác tới 1 mm	
54	Xác định sự thoát muối	TCVN 6355-8:2009	Khay chứa nước bằng nhựa, bàn chải, tủ sấy 300°C/1 °C	
V	THỬ NGHIỆM GẠCH BÊ TÔNG			
55	Xác định kiểm tra kích thước, màu sắc và khuyết tật ngoại quan của gạch bê tông	TCVN 6477:2016	Thước thép dài 500mm, 1000mm (1mm), thước kẹp điện tử dài 200mm (0.01mm)	Kiều Duy Văn Hù Chả Đường Tòng Văn Thành Nguyễn Văn Quyền
56	Xác định độ rỗng của gạch bê tông	TCVN 6477:2016	Cân kỹ thuật 30kg (1g), Thước lá kim loại dài 500mm, tấm kính, cát tiêu chuẩn khô, cọ quét, mui xúc cát	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
57	Xác định cường độ chịu nén của gạch bê tông	TCVN 6477:2016	Máy nén TYA 2000kN (d=0,1kN), bộ gá nén mẫu 200x400mm, Thước lá thép, tấm kính, bay, chảo	
58	Xác định độ thấm nước của gạch bê tông	TCVN 6477:2016	Thiết bị thử thấm, tủ sấy đến 300°C (±1 °C), cân kỹ thuật 30kg (1g)	
59	Xác định độ hút nước của gạch bê tông	TCVN 6355-4:2009	Tủ sấy đến 300°C (±1 °C), cân kỹ thuật 30kg(1g).	
VI	THỬ NGHIỆM BÊ TÔNG NHẸ			
60	Xác định kiểm tra khuyết tật ngoại quan, kích thước, độ phẳng mặt thẳng cạnh	TCVN 9030:2017	Thước thép dài 1000mm/1mm, thước cặp thước đo góc.	Kiều Duy Văn Hồ Chấn Đường Tông Văn Thành Nguyễn Văn Quyền
61	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:2022	Cân kỹ thuật có độ chính xác 1g, tủ sấy đến 300°C/1°C, thùng ngâm mẫu.	
62	Xác định cường độ nén	TCVN 9030:2017	Máy thử nén model: TYA-2000kN và WE-600B thước cặp	
63	Xác định độ co khô	TCVN 9030:2011	Tủ sấy đến 300°C (±1 °C), thước kẹp, cân kỹ thuật có độ chính xác 0.01g, dụng cụ đo độ co ngót thanh chuẩn + đồng hồ so đo biến dạng có độ chính xác 0.002mm	
XII	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT, ĐÁ TRONG PHÒNG			
64	Lấy mẫu, bao gói vận chuyển và bảo quản	TCVN 2683:2012	Dùng dao, xẻng, ống nhựa	
65	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng) của đất xây dựng trong phòng thí nghiệm	TCVN 4195:2012; ASTM D854-23; AASHTO T100-22	Cân kỹ thuật có độ chính xác (0.01g), bình tỷ trọng, cối chày sứ (đồng), rây 2mm, tủ sấy đến 300°C/1°C, tỷ trọng kế, bếp cách cát.	
66	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm của đất	TCVN 4196:2012; ASTM D2216-19; AASHTO T265-22	Cân kỹ thuật có độ chính xác (0.01g), Bình hút ẩm, hộp ẩm, tủ sấy	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
	xây dựng trong phòng thí nghiệm		đến 300 ⁰ C/1 ⁰ C, cối chày sứ (đồng), rây 1mm, tủ sấy, cốc nhỏ (hộp nhôm có nắp)	Kiều Duy Văn Hù Chả Đường Tòng Văn Thành Nguyễn Văn Quyền
67	Xác định giới hạn dẻo và giới hạn chảy và chỉ số dẻo của đất xây dựng trong phòng thí nghiệm	TCVN 14134-4:2024, TCVN 4197:2012; ASTM D4318-17e1; AASHTO T89-22, AASHTO T90-22	Dụng cụ Casagrande, Tấm kính nhám, rây (1mm), cối và chày sứ có đầu bọc cao su, bình thủy tinh có nắp, Cân kỹ thuật có độ chính xác (0.01g), tủ sấy đến 300 ⁰ C/1 ⁰ C	
68	Xác định thành phần hạt của đất xây dựng trong phòng thí nghiệm	TCVN 14135-5:2024, TCVN 14134-3:2024, TCVN 4198:2014; AASHTO T88-22	Cân kỹ thuật có độ chính xác (0.01g), bộ rây (10, 5, 2, 1,05; 025, 0,1mm), cối và chày sứ có đầu bọc cao su, tủ sấy đến 300 ⁰ C/1 ⁰ C, bình hút ẩm, tỷ trọng kế, ống đong 1000ml, nhiệt kế, que khuấy, đồng hồ bấm giây.	
69	Xác định khối lượng thể tích của đất trong phòng thí nghiệm	TCVN 4202:2012; ASTM D7263-21	Dao vòng bằng kim loại, thước cặp, dao cắt có lưỡi thẳng, Cân kỹ thuật có độ chính xác (0.01g), các tấm kính, dụng cụ xác định độ ẩm, hộp nhôm có nắp, tủ sấy đến 300 ⁰ c (±1 °C), bình hút ẩm.	
70	Xác định chỉ số CBR trong phòng thí nghiệm	TCVN 12792:2020; AASHTO T193-22	Máy nén CBR 1.27mm/ph, đồng hồ đo biến dạng, chày đầm, cối D152.4mm, tấm đệm ga tải, thùng ngâm mẫu, tủ sấy, cân, sàng 50;19;4.75mm, giấy lọc, chảo, bay trộn, dụng cụ làm bằng mặt mẫu.	
71	Xác định độ chặt tiêu chuẩn trong phòng thí nghiệm	TCVN 4201:2012	Bộ Cối chày đầm tiêu chuẩn, cải tiến cân kỹ thuật 30kg/5g, Cân kỹ thuật có độ chính xác (0.01g), sàng (19;4,75; 5mm), bình phun nước, tủ sấy đến 300 ⁰ C/1 ⁰ C), hộp nhôm	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
72	Xác định đầm nén proctor (Độ ẩm đầm chặt tốt nhất; khối lượng thể tích khô lớn nhất trong phòng thí nghiệm; tỷ lệ hạt quá cỡ; tỷ trọng khối của hạt quá cỡ; khối lượng thể tích khô lớn nhất sau hiệu chỉnh; độ ẩm đầm nén tốt nhất sau hiệu chỉnh)	TCVN 12790:2020; AASHTO T99-22, AASHTO T180-22	Bộ Cối chày đầm tiêu chuẩn, cải tiến cân kỹ thuật 30kg/5g, Cân kỹ thuật có độ chính xác (0.01g), sàng (19;4,75; 5mm), bình phun nước, tủ sấy đến 300°C/1°C), hộp nhôm	
XIII	THỬ NGHIỆM VẬT LIỆU KIM LOẠI VÀ KIM LOẠI HÀN			
73	Thử kéo (thử kéo kim loại, mỗi nối)	TCVN 197-1:2014; ASTM A370 -24 ; JIS Z2241 - 22	Máy thử độ bền kéo nén, WE-600B, Cân kỹ thuật có độ chính xác (1g), thước thép 1000mm.	Kiều Duy Văn Hù Chả Đường Tòng Văn Thành Nguyễn Văn Quyền
74	Thử uốn	TCVN 198:2008; ASTM A370 -24 ; JIS Z2248 : 2022	Máy thử độ bền kéo nén, WE-600B; bộ gồi uốn	
75	Thử kéo tăng đơ, ma ní, khóa đai, dây đai, dây kim loại, kéo tôn	TCVN 8052-09 ASTM F606-19, TCVN 197-1:2014 ASTM E448-18	Máy thử kéo nén, WE-600B, ngàm kẹp kéo, ngàm uốn, dụng cụ đo vạch giãn dài, Cân kỹ thuật có độ chính xác (1g), thước thép 500mm, gồi uốn	
76	Kiểm tra chất lượng mối hàn kim loại - Thử uốn	TCVN 5401:2010; ASTM E190 -21	Máy thử độ bền kéo nén, WE-600B, thước kẹp, thước thép	
77	Thử kéo mối hàn kim loại – thử kéo ngang, kéo dọc	TCVN 8310:2010, TCVN 8311:2010	Máy thử độ bền kéo nén, WE-600B, thước thép	
78	Thử kéo dây kim loại	TCVN 1824:1993 ASTM A370-24	Máy thử độ bền kéo nén, WE-600B, thước kẹp, thước thép	
79	Xác định độ tụt nê, neo.	TCVN 10568:2017; ASTM A370-24	Máy thử độ bền kéo nén, WE-600B, thước kẹp, thước thép, bộ dụng cụ kéo rút nê neo	
80	Thử cấp độ bền kéo, cắt bu lông, vít, vít cây	ASTM A370-24, ASTM F606/F606M-21	Máy thử độ bền kéo nén, WE-600B, thước kẹp, bộ chuông kéo bu lông.	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
81	Cốt thép- Phương pháp uốn và uốn lại không hoàn toàn	TCVN 6287:1997	Máy thử độ bền kéo nén, WE-600B, thước kẹp	
82	Ống kim loại -Thử kéo vật liệu và kéo nguyên ống	TCVN 314:2008, TCVN 197-1:2014; ASTM A370 -24	Máy thử độ bền kéo nén model:WE-600B, thước kẹp	
83	Lưới thép hàn – thử kéo, thử uốn mỗi hàn lưới kim loại	TCVN 7937-2:2013, TCVN 197-1:2014	Máy thử độ bền kéo nén model:WE-600B, thước kẹp	
84	Ống kim loại - Thử nén bẹp, thử uốn nguyên ống	TCVN 1830:2008; ASTM A370 -24	Máy thử độ bền kéo nén model: WE-600B, thước kẹp	
85	Xác định lực siết bu lông	ISO 16047 : 2012	Cờ lê lực , đầu chụp bu lông	
IX	THỬ NGHIỆM VỮA XÂY			
86	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất của vữa xây dựng	TCVN 3121-1:2022	Cân kỹ thuật, tủ sấy, bộ sàng 10mm; 5mm; 2,5mm; 1,25mm; 0,63mm; 0,315mm, 0,14mm và sàng 0,08mm	Kiều Duy Văn Hồ Chấn Đường Tông Văn Thành Nguyễn Văn Quyền
87	Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3:2022; ASTM C1437-2020	Bàn dẫn thử độ lưu động hỗn hợp vữa, chày đầm bằng thép, chảo sắt, xẻng con, bay, khuôn hình côn đường kính đáy lớn 100mm, đáy nhỏ 75mm, cao 60mm, dày 2mm.	
88	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6:2022	Bình trụ bằng sắt, chày đầm, dụng cụ thử độ lưu động, cân kỹ thuật, dao ăn, bay, chảo sắt...	
89	Xác định khả năng giữ độ lưu động	TCVN 3121-8:2022	Thiết bị thử độ lưu động, máy hút chân không; phễu giấy lọc, đồng hồ bấm giây...	
90	Xác định thời gian bắt đầu đông kết	TCVN 3121-9:2022, TCVN 11971:2018; ASTM C807-21	Khâu đựng vữa hình côn đường kính 50,75mm, kim xuyên đk 5mm, cd 65mm, cân kỹ thuật ,đồng hồ bấm giây.....	
91	Xác định khối lượng thể tích mẫu vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-10:2022	Bình trụ bằng sắt, chày đầm, dụng cụ thử độ lưu động, cân kỹ thuật, dao ăn, bay, chảo sắt...	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
92	Xác định cường độ uốn và nén của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-11:2022 TCVN 3121-11:2022; ASTM C109/C109M-23	Máy kéo nén WE-600B, cân kỹ thuật có độ chính xác 0.1g, gá thử nén, gô thử độ bền uốn .	
93	Xác định cường độ dính bám	TCVN 3121-12:2022 ASTM C1583/C1583M-20	Tấm đầu dolly 50mm, keo dán, máy kéo bám dính, lưỡi cắt	
94	Xác định độ hút nước của vữa đóng rắn	TCVN 3121-18:22;	Cân kỹ thuật, tủ sấy	
X	THỬ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG			
95	Xác định dung trọng, độ ẩm của đất, cát bằng phương pháp dao dai (xác định độ chặt của đất tại hiện trường)	TCVN 12791:2020, TCVN 8729:2012, TCVN 8730:2012, ASTM D2937 -24	Dao dai tròn bằng thép, cân kỹ thuật có độ chính xác (0,1g), dao gạt đất, hộp nhôm, bếp ga hoặc dùng cồn	Kiều Duy Văn Hồ Chả Đường Tông Văn Thành Nguyễn Văn Quyền
96	Xác khối lượng thể tích, độ ẩm của đất tại hiện trường bằng phương pháp rót cát	TCVN 8729:2012 , TCVN 8730:2012; AASHTO T191-14 (2022)	Phễu rót cát, cân kỹ thuật, 30kg/1g, bếp ga hoặc dùng cồn	
97	Xác định độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước 3m	TCVN 8864:2011	Thước 3m, nôm đo khe hở, cọ quét	
98	Xác định môđun đàn hồi "E" chung của kết cấu áo đường bằng cần đo vồng Benkelman	TCVN 8867:2011	Tấm ép, kích thủy lực 0÷200kN, đồng hồ so 30mm	
99	Xác định modul đàn hồi "E" nền đất và các lớp kết cấu áo đường bằng phương pháp sử dụng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011	Tấm ép, kích thủy lực 0÷200kN, đồng hồ so 30mm	
100	Kiểm tra độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:2011; ASTM E965-15(2024)	Bộ dụng cụ đo nhám mặt đường, cọ quét, cát chuẩn	
101	Phương pháp không phá hoại sử dụng kết hợp máy đo siêu âm và súng bật nảy để	TCVN 9335:2012, ASTM C805/C805M - 18	Máy siêu âm bê tông, Thiết bị súng bật nảy	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
	xác định cường độ nén của bê tông			
102	Bê tông nặng – phương pháp xác định cường độ nén bằng súng bật nảy	TCVN 9334:2012; ASTM C805/C805M -18	Thiết bị súng bật nảy bê tông	
103	Bê tông - Phương pháp siêu âm xác định cường độ chịu nén	TCVN 13536: 2022	Máy siêu âm bê tông, dụng cụ đi kèm	
104	Đất xây dựng - phương pháp xác định mô đun biến dạng tại hiện trường bằng tấm nén phẳng	TCVN 9354:2012; ASTM D4395 - 17	Tấm ép phẳng 50x50cm, kích thủy lực 0÷1000kN, đồng hồ so 0÷100mm	
105	Đo điện trở đất	TCVN 9385:2012	Máy đo điện trở tiếp đất	
106	Xác định cường độ bê tông hiện trường bằng phương pháp khoan	TCVN 12252:2020, TCXDVN 239:2006, TCVN 10303:2014; ASTM C42/C42M-20	Máy nén hiệu TYA-2000, TYE-2000 Thước cặp, máy khoan.	
107	Cấu kiện bê tông và bê tông cốt thép đúc sẵn - phương pháp thí nghiệm gia tải để kiểm tra độ bền, độ cứng và khả năng chống nứt	TCVN 9347:2012	Kích thủy lực 0÷300kN, 0÷600kN, 0÷1000kN, đồng hồ so 0÷100mm, Thước cặp, kính lúp.	
108	Phương pháp điện từ xác định chiều dày lớp bê tông bảo vệ, vị trí và đường kính cốt thép	TCVN 9356:2012	Máy dò đường kính cốt thép trong bê tông	
109	Đo dung trọng, độ ẩm bằng phương pháp dao đai	22TCN 02:1971; TCVN 12791:2020	Dao vòng, thước gạt, chày	

III. CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ THÍ NGHIỆM VIÊN

TT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn	Chức vụ	Chứng chỉ thí nghiệm viên (số, ngày cấp, nơi cấp)
1	Kiều Duy Văn	3/10/1986	Đại Học	Trưởng phòng thí nghiệm phụ trách hiện trường	<ul style="list-style-type: none"> - Bằng đại học: số hiệu: 461844 cấp ngày 15/05/2017 do trường đại học thành đồng cấp - Bằng nghề thí nghiệm Số:000858433, LDTBXH-DN ngày 08/05/2007 của trường CĐ giao thông vận tải cấp - Chứng chỉ nghiệp vụ quản lý chất lượng PTN theo Iso/IEC 17025:2017
2	Hù Chả Đường	08/02/2000	Đào tạo nghề	Cán bộ thí nghiệm	<ul style="list-style-type: none"> - Số : 2025/GT1-123/VKHCN ngày 22/01/2025 của viện khoa học công nghệ về đầu tư và xây dựng- Tổng hội xây dựng Việt Nam
3	Nguyễn Văn Quyền	08/10/1998	Đào tạo nghề	Cán bộ thí nghiệm	<ul style="list-style-type: none"> - Số : 2026/GT1-514/VKHCN ngày 2/03/2026 của viện khoa học công nghệ về đầu tư và xây dựng- Tổng hội xây dựng Việt Nam
4	Tòng Văn Thành	13/03/1999	Đào tạo nghề	Cán bộ thí nghiệm	<ul style="list-style-type: none"> - Chứng chỉ Số: 058/QĐ.328.2023.VL XD do viện vật liệu xây dựng cấp ngày 15/09/2023

III. Cam kết của Tổ chức:

Công ty cổ phần tư vấn kiểm định chất lượng xây dựng cam kết bảo đảm và duy trì thường xuyên các điều kiện về nhân lực, thiết bị và không gian thí nghiệm theo đúng quy định của pháp luật.

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ và chính xác của toàn bộ thông tin tự công bố nêu trên.

Tô chức sẽ thực hiện công bố lại thông tin ngay khi có bất kỳ sự thay đổi nào về năng lực hoạt động so với nội dung đã công bố.

Thông tin này đồng thời đã được Công ty cổ phần tư vấn kiểm định chất lượng xây dựng đăng tải công khai trên trang thông tin điện tử của đơn vị tại địa chỉ: *Website: <https://kiemdinhxd.com>*

Công ty cổ phần tư vấn kiểm định chất lượng xây dựng kính đề nghị Sở Xây dựng Lai Châu xem xét, tiếp nhận và đăng tải thông tin năng lực của đơn vị trên Cổng/Trang thông tin điện tử của Quý Sở theo quy định./.

Nơi nhận

- Như trên
- Sở xây dựng Lai Châu
- Lưu VT, Trung tâm thí nghiệm VLXD

**ĐẠI DIỆN
TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG
GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Xuân Huy